

Số: /GPMT-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 01459/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk;

Xét Văn bản số 06/TS-CV ngày 05/02/2026 của Công ty TNHH Thực phẩm Taesan về việc đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy chế biến thủy sản” (Mã số hồ sơ: H15.50-260206-100511);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 131/TTr-SNNMT ngày 11/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Thực phẩm Taesan, địa chỉ tại Lô B6 - KCN Hòa Hiệp 1, phường Hòa Hiệp, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy chế biến thủy sản tại Lô B6 - KCN Hòa Hiệp 1, phường Hòa Hiệp, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy chế biến thủy sản.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B6 - KCN Hòa Hiệp 1, phường Hòa Hiệp, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 4400319020 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính cấp đăng ký lần đầu ngày 09/12/2002, cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 05/09/2025. Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 1061673725 chứng nhận lần đầu ngày 19/12/2002, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 5 ngày 26/5/2023, nơi cấp: Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên.

1.4. Mã số thuế: 4400319020.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất chế biến thủy sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích: 5.023m².

- Dự án đầu tư Nhóm II (theo Mục 1 Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP).

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất:

+ Công suất: Dây chuyền sản xuất bán thành phẩm khô: 13.300 tấn sản phẩm/năm và dây chuyền sản xuất từ nguyên liệu tươi: 15.000 tấn sản phẩm/năm.

+ Dây chuyền sản xuất bán thành phẩm khô: Nguyên liệu → Lựa chọn nguyên liệu → Phân loại nguyên liệu → Sơ chế → Bao gói → Bảo quản lạnh → Xuất hàng.

+ Dây chuyền sản xuất từ nguyên liệu tươi: Tiếp nhận nguyên liệu → Rửa, phân loại → Luộc → Sấy → Sàng đầu, phân cỡ, phân loại → Dò kim loại → Cân, bao gói, đóng thùng → Bảo quản → Xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép đầu nối nước thải, nước mưa vào đúng vị trí đã được cấp có

thẩm quyền cho phép và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thực phẩm Taesan:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thực phẩm Taesan có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND cấp ngày 25/3/2024 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp Ban quản lý Khu kinh tế Phú Yên tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- BQL Khu kinh tế Phú Yên;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- UBND phường Hòa Hiệp;
- Cty TNHH Thực phẩm Taesan;
- (Đ/c: Lô B6 - KCN Hòa Hiệp 1, phường Hòa Hiệp, tỉnh Đắk Lắk)
- Lưu VT, NNMT (Nhat-2b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Nước thải phát sinh từ hoạt động dự án được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn theo quy định của Khu Công nghiệp Hòa Hiệp 1, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1 để xử lý, không xả nước thải ra môi trường.

- Dự án đã có hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 07/XLNT ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Trung tâm dịch vụ công ích (Đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu Công nghiệp Hòa Hiệp 1).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI.

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải phát sinh của dự án được thu gom, xử lý sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu Công nghiệp Hòa Hiệp 1.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn:

- Số lượng: 04 bể, dung tích 10,2 m³/bể.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để tiếp tục xử lý.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải Dự án:

- Công suất thiết kế: 50m³/ngày đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn) và nước thải sản xuất (được thu gom → Bồn điều hoà → Thiết bị tuyển nổi) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí 1 → Bể hiếu khí 2 → Bể hiếu khí 3 → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Cột lọc áp lực → Đầu nối vào hố ga thu gom nước thải của Khu Công nghiệp Hòa Hiệp 1.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine 70%: 15 kg/tháng; NaOH: 10 kg/tháng; PAC: 750 kg/tháng; Polyme: 1 kg/tháng.

- Tọa độ điểm đầu nối nước thải: X=1438797.3; Y=593505.0 (theo hệ tọa độ VN - 2000, kinh tuyến $108^{\circ}30'$, múi chiều 3°)

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động hệ thống xử lý nước thải, lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng và quan trắc nước thải định kỳ;

- Nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải phải tuân thủ nghiêm quy trình kỹ thuật, theo dõi sát hoạt động của các hệ thống xử lý cũng như được đào tạo về chuyên môn vận hành;

- Nhân viên môi trường vệ sinh định kỳ đường ống dẫn nước thải, nạo vét bùn thải để dòng thải được lưu thông, không gây nghẹt ống.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, đầu nối nước thải sau xử lý của dự án vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1, không được phép xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy định về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải gồm lưu lượng, các thông số đặc trưng của nước thải (nếu có); loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1 để tiếp tục xử lý.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải: 01 (Một) dòng khí thải tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải của lò hơi.

2.1. Vị trí xả khí thải: Tại ống khói lò hơi cao 10m, tọa độ: X= 1438809.180; Y= 593507.294 (theo hệ tọa độ VN - 2000, kinh tuyến 108⁰30', múi chiều 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 14.400m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: xả liên tục 24/24 giờ hoặc gián đoạn theo mùa vụ sản xuất của nhà máy.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT, Cột C – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 19:2024/BTNMT cột C	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động liên tục
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 60		
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	≤ 300		
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤ 350		
5	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	≤ 350		

Ghi chú:

(1) Theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

(2) Theo quy định tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Khuyến khích: Chủ dự án quan trắc khí thải để giám sát, đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom bụi, khí thải từ các nguồn phát sinh đưa về hệ thống xử lý:

Khí thải lò hơi: Khí thải phát sinh được dẫn vào Cyclone ($D=1,6\text{ m}$), khí thải sau khi qua Cyclone qua quạt hút ly tâm sau đó vào tháp hấp thụ. Khí thải sau khi qua tháp hấp thụ sẽ thoát ra ống khói cao 10m (so với mặt đất). Khí thải đạt QCVN 19:2024/BTNMT (Cột C) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp trước khi phát thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Quy trình công nghệ: Khí thải lò hơi → Cyclone → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Khí sạch thoát ra môi trường tại ống khói cao 10m (so với mặt đất), tọa độ $X= 1438809.180$; $Y= 593507.294$ (theo hệ tọa độ VN - 2000, kinh tuyến $108^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

- Công suất thiết kế: $14.400\text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

Yêu cầu ống thoát hơi phải có điểm (*cửa*) lấy mẫu khí thải, có nắp đậy để điều chỉnh khi mở, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát liên tục quá trình vận hành hệ thống đường ống thu gom và các thiết bị xử lý bụi, khí thải của dự án để kịp thời bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thay thế, đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý các nguồn bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi lưu thoát ra ngoài môi trường.

- Xây dựng quy trình vận hành các thiết bị xử lý bụi, khí thải của dự án.

- Tiến hành bảo trì, bảo dưỡng và kiểm tra mức độ an toàn của hệ thống lò sấy theo đúng quy trình, thời hạn quy định.

- Khi có sự cố, dừng hoạt động sản xuất, kiểm tra hệ thống xử lý bụi, khí thải. Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp phối hợp và kịp thời khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm: Khi hệ thống xử lý bụi, khí thải được đầu tư xây dựng hoàn thiện và Dự án đi vào hoạt động thử nghiệm để đảm

bảo đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý bụi, khí thải theo quy định.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò hơi 8 tấn.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống khói lò hơi cao 10m (so với mặt đất), tọa độ: X= 1438809.180; Y= 593507.294 (theo hệ tọa độ VN - 2000, kinh tuyến 108⁰30', múi chiếu 3⁰).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành thường xuyên, liên tục các hệ thống thu gom, xử lý lượng bụi, khí thải phát sinh; bảo đảm lượng không khí sạch thoát ra ngoài môi trường đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột C - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp; điểm (cửa) lấy mẫu, có nắp đậy để điều chỉnh độ mở rộng, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

3.4. Trong quá trình hoạt động dự án, khi có sự cố liên quan đến việc vận hành các thiết bị xử lý bụi, khí thải, Chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải để sửa chữa, khắc phục kịp thời.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành các công trình xử lý khí thải.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tại nhà máy, tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ hoạt động của các thiết bị sản xuất và phương tiện vận chuyển.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu:

2.1. Tiếng ồn: Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn theo quy chuẩn QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (theo mức âm tương đương) dBA:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)			Ghi chú
	Ban ngày (06:00 - trước 18:00)	Tối (18:00- trước 22:00)	Ban đêm (22:00 - trước 06:00)	
1	65	60	55	Khu vực E

2.2. Độ rung: Độ rung không vượt quá giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)	
1	75	70	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

Tự động hóa quá trình sản xuất; đầu tư máy móc sản xuất mới, hiện đại; bố trí máy móc hợp lý, không để nhiều máy gây ồn gần nhau gây cộng hưởng tiếng ồn; định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng toàn bộ hệ thống máy móc trong dự án; trang bị và yêu cầu người lao động đeo nút bịt tai trong quá trình làm việc ở những nơi phát sinh độ ồn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung. Các máy móc tạo ra sự rung động trong quá trình hoạt động được gắn chặt vào nền xi măng và có lót cao su chống rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thực hiện các biện pháp quản lý trong quá trình vận hành để giảm thiểu tiếng ồn.

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Dự kiến phát sinh 200kg/năm.

STT	Tên chất thải	Mã chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại thông thường	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ chất thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	70
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Lỏng	NH	75
3	Thiết bị điện, điện tử thải bỏ	16 01 13	Rắn	NH	30
4	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Rắn	NH	5
5	Hộp mực in	08 02 04	Rắn	KS	20
Tổng					200

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường, dự kiến phát sinh khoảng 33.790,9kg/ngày:

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
1	Bao bì lỗi, thùng carton	10
2	Chất thải rắn phát sinh từ các công đoạn sơ chế và phân loại của dây chuyền sản xuất bán thành phẩm khô	207
3	Phế phẩm từ dây chuyền sản xuất từ nguyên liệu tươi	33.300
4	Tro từ việc đốt viên nén	256
5	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	17,9
	Tổng cộng	33.790,9

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 57,5 kg/ngày. Thành phần chính chủ yếu gồm các chất

hữu cơ dễ phân hủy như các loại thức ăn thừa, các loại thực phẩm hư hỏng, vỏ trái cây,... Ngoài ra, còn có các loại vỏ chai nhựa, túi nilon, giấy, thủy tinh,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Chủ dự án đã bố trí khu vực lưu chứa riêng có diện tích khoảng $6m^2$, cao 2m, mái tôn, bố trí ở góc phía Tây Bắc Nhà máy, có biển báo chất thải nguy hại.

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: $6m^2$.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Khu vực lưu chứa trong nhà: Khu vực lưu giữ chất thải được xây dựng dạng xây xi măng chống thấm, xây tường, có mái tôn và cửa đóng mở an toàn, có bảng tên nhận diện khu vực phế phẩm.

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: $13m^2$.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng rác có dung tích từ 60 đến 120 lít, có nắp đậy tại các khu vực xung quanh nhà máy nhằm tạo điều kiện thuận tiện cho công nhân viên bỏ rác đúng nơi quy định. Các thùng rác này được đặt tại các vị trí phát sinh chất thải rắn như: khu vực nhà xưởng sản xuất, nhà xe, nhà bảo vệ,.... nhằm phục vụ công tác thu gom và vận chuyển chất thải một cách hiệu quả.

- Khu vực lưu chứa: Hằng ngày, chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom, vận chuyển về khu vực tập kết tại phía Đông Nam Nhà máy (gần cổng ra vào) và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo đúng quy định.

2.4. Cặn thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải: Cặn thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò đốt được thu gom, quản lý và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định.

3. Chủ dự án có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành./.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có hạng mục, công trình và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Quản lý tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định. Khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định pháp luật. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện đầy đủ các nội dung đã cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực của thông tin, số liệu nêu tại báo cáo đề xuất cấp phép.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm, đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Trong quá trình thực hiện nếu cơ sở có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.